TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 22-01-2025
V/v: ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân;

2. Ông Phạm Ngọc Diện.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Hoàng Rung K'Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Duy Hoàng Thao – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 406/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2024/QĐXXST– HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh G, sinh năm 1986.

Địa chỉ: xóm A, thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: xóm A, thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, lời trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh G thì:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2007, chị và anh Trương Văn T về chung sống, xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Ngày 03/12/2007, vợ chồng chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng chị hòa thuận, hạnh phúc, có xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn giải

quyết được. Tuy nhiên từ năm 2021 đến nay, cuộc sống vợ chồng chị xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất hòa, cãi vã nhau thường xuyên. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng có quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống, quan điểm sống không hòa hợp nên đời sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng chị đã nhiều lần nói chuyện với nhau, tìm cách để vợ chồng có thể hiểu nhau hơn, giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm nhưng không được. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng chị đã thực sự trầm trọng, chị xác định không còn tình cảm với anh T nên không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng chị vẫn sống chung nhà với nhau nhưng không ai còn quan tâm đến nhau.

Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc như mong muốn, tiếp tục kéo dài chỉ mang lại mệt mỏi cho cả hai và ảnh hưởng rất lớn tới con cái. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 (một) con chung tên là Trương Trà M, sinh ngày 11/11/2008. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, chị G không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Trương Văn T trình bày tại bản tự, biên bản hòa giải thì:

Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất với lời khai của chị G về thời điểm chung sống, đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên, do công việc của anh làm nghề khoan giếng thường xuyên đi làm công trình đến tối mới về nên không có điều kiện quan tâm nhiều đến vợ con. Do đặc thù công việc, anh mong muốn chị G thông cảm nhưng chị G không nói ra suy nghĩ của mình nên anh không biết thiếu sót của bản thân để sửa chữa. Nay chị G yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức độ trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị G, anh tha thiết mong muốn chị G suy nghĩa lại để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng một gia đình bền vững làm chỗ dựa cho con.

Về con chung: con chung như chị G trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng anh tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh T không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của chị Lê Thị Thanh G, xử cho chị Lê Thị Thanh G được ly hôn với anh Trương Văn T. Về con chung, đề nghị giao con chung là Trương Trà M, sinh ngày 11/11/2008 cho anh Trương Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Trương Văn T không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung, đương sự xác định tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Về nợ chung, đương sự xác định không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: buộc chị Lê Thị Thanh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Trương Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn anh Trương Văn T cư trú: xóm A, thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Thanh G và anh Trương Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 03/12/2007 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị G, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Qua xác minh thì thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị G chung sống hòa thuận, hạnh phúc, có xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn giải quyết được. Về sau, vợ chồng anh T, chị G xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế nên xảy ra xô xát nhau. Vợ chồng không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn, tha thiết đoàn tụ vợ chồng nhưng trong thời gian chuẩn bị xét xử, quan hệ hôn nhân của anh chị không có chiều hướng cải thiện. Nay chị G vẫn cương quyết ly hôn. Vì vậy, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân của anh, chị cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị G, xử cho chị G được ly hôn với anh T là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị G và anh T xác định vợ chồng có một con chung tên là: Trương Trà M, sinh ngày 11/11/2008. Khi ly hôn, chị G đồng ý giao con chung cho anh T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, đồng thời con chung có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, cần giao con chung là Trương Trà M, sinh ngày 11/11/2008 cho anh T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị G và anh T xác định tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị G và anh T xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí: buộc chị G phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Thanh G, xử cho chị Lê Thị Thanh G được ly hôn với anh Trương Văn T.

2. Giao con chung tên là Trương Trà M, sinh ngày 11/11/2008 cho anh Trương Văn T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Thị Thanh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: buộc chị Lê Thị Thanh G phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0005235 ngày

11/11/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị Lê Thị Thanh G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh